

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /3/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sản xuất được thu gom vào bể thu gom có thể tích khoảng 193 m<sup>3</sup> sau đó được bơm về cụm xử lý hóa lý công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý, sau đó tiếp tục được xử lý tại cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải khu vực nhà bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó được thu gom về cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước ngầm công suất 960 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom qua đường ống D160 về cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ bể hấp thụ khí thải lò hơi được thu gom qua đường ống D160 về cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Đại Tám 15 tại vị trí thôn Đông Kỳ, xã Nghĩa Minh (cách cơ sở khoảng 450 m về phía Tây Nam, dẫn bằng đường ống PVC D200 có chiều dài là 800 m).

- Vị trí xả nước thải: Tại 01 điểm xả nước thải vào kênh Đại Tám 15 phía Tây Nam nhà máy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2240047, Y(m) = 0564957 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 105°30').

#### 2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

480 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

##### 2.2.1. Phương thức xả nước thải

Xả thải theo phương thức cưỡng bức.

##### 2.2.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ;  $C_{max} = C$  đối với các thông số: Độ màu, pH, coliform), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột B1) và QCVN 40:2011/BTNMT(*) (cột B)	
			C	$C_{max}$
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt/Co	150	150
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	54
5	COD	mg/l	150	162
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108
7	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l	15	16,2
8	Dioxin	pgTEQ/I	30	32,4
9	Asen	mg/l	0,1 (*)	0,099 (*)
10	Tổng xianua	mg/l	0,1 (*)	0,099 (*)
11	Sunfua	mg/l	0,5 (*)	0,495 (*)
12	Clo dư	mg/l	02 (*)	1,98 (*)
13	Coliforms	VK/100ml	5.000 (*)	5.000 (*)

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

#### a) Đối với nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 40 m<sup>3</sup>, sau đó dẫn về cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải nhà ăn: Nước thải qua song chắn rác và được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về cụm xử lý vi sinh công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

b) Đối với nước thải sản xuất

Đối với nước thải sản xuất, tùy vào từng công đoạn sản xuất mà nước sau xử lý được tái sử dụng, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải ra từ công đoạn xeo giấy và ép ước

+ Khoảng 900 m<sup>3</sup> sẽ được tuần hoàn quay lại bể thủy lực để tiếp tục thực hiện công đoạn đánh toi, nghiền bột.

+ Phần nước thải còn lại (khoảng 600 m<sup>3</sup>) sẽ cùng với nước thải từ công đoạn phun rửa chắn lưới dẫn về bể thu gom nước thải tập trung, sau đó dẫn vào cụm xử lý hóa lý công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

+ Sau khi nước thải được xử lý tại cụm hóa lý công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nước thải tiếp tục đi vào cụm bể vi sinh xử lý bậc 2 công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý cùng với nước thải từ bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (05 m<sup>3</sup>), nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước ngầm (05 m<sup>3</sup>) và nước thải sinh hoạt (06 m<sup>3</sup>).

+ Sau cụm xử lý vi sinh bậc 2 công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải sau xử lý được dẫn vào bể trung gian 2 để tiếp tục xử lý.

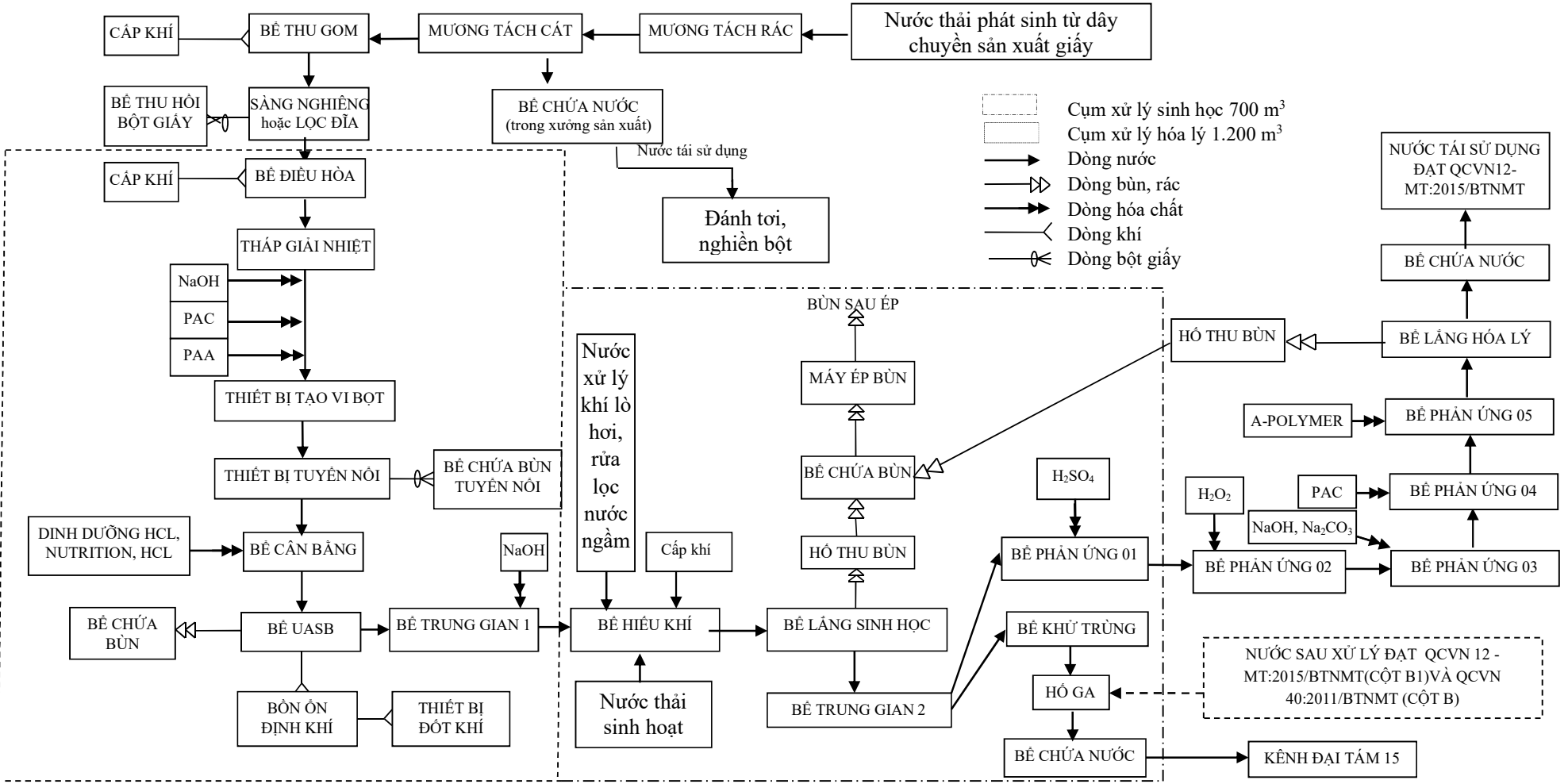
- Tại bể trung gian 2, nước thải bơm làm 2 đường

+ Một phần nước khoảng 136 m<sup>3</sup>/ngày tiếp tục đi vào cụm bể xử lý fenton công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày để làm mềm nước và 100% lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động phun rửa chắn lưới.

+ Phần nước còn lại khoảng 480 m<sup>3</sup>/ngày được khử trùng và thải ra ngoài kênh Đại Tám 15 qua 01 cửa xả.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải



- Công suất hệ thống xử lý 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hóa chất sử dụng

Bảng 2: Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Lượng hóa chất sử dụng	
			Giai đoạn hiện tại	Giai đoạn hoạt động tối đa
1	FeSO <sub>4</sub>	Kg/tháng	7,2	40
2	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Lít/tháng	08	50
3	H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Kg/tháng	1,2	20
4	Chế phẩm vi sinh	Kg/tháng	30	75
5	NaOH	Kg/tháng	80	150
6	PAC	Lít/tháng	200	500
7	Polymer	Kg/tháng	200	500

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công ty bố trí 01 cán bộ quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung có trình độ chuyên môn phù hợp. Cán bộ được đào tạo, hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty phải đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và tạm dừng sản xuất tại các công đoạn phát sinh nước thải để tìm nguyên nhân khắc phục sự cố của hệ thống. Công ty đã bố trí ngăn chứa nước khi gặp sự cố có thể tích 853 m<sup>3</sup>. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố thì bể sự cố có đủ khả năng lưu chứa nước thải tối đa trong khoảng thời gian gần 02 ngày để khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải tại ngăn sự cố sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý; nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra ngoài môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường số 1903/GPMT-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Nam Định (Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp lại Giấy phép môi trường).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ;  $C_{max} = C$  đối với các thông số: Độ màu, pH, coliform) trước khi xả ra kênh Đại Tám 15. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào kênh Đại Tám 15 nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước của kênh Đại Tám 15, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Nghĩa Hưng để kịp thời xử lý.

#### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Nâng cấp các hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy; QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.